

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2023/HC-PT
Ngày 08 tháng 3 năm 2023
V/v : *Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;
Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 461/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HCST ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân V.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1452/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Phan Trung P, sinh năm 1963; trú tại: Khu tái định cư Đồng N, thôn Đ, xã Hoàng Đ, huyện Tam D, V, có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân V. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Chí G - Phó Chủ tịch UBND V, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân V. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Duy T - Chủ tịch UBND V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân H - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường V, có mặt (Văn bản ủy quyền số 1342/UBND-TD2 ngày 06/3/2023).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tam D, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện Tam D. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Mạnh T1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tam D, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1952, vắng mặt.

- Anh Phan Văn K, sinh năm 1972, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Hoàng Đ, huyện Tam D, V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2018; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 13/7/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Phan Trung P trình bày:

Diện tích 535m² đất ở xứ Đồng T, thôn Đ, xã Hoàng Đ, huyện Tam D, V có nguồn gốc là đất ông cha để lại, gia đình ông làm nhà trên đất từ năm 1990, có nộp thuế nhà đất được thể hiện tại biên lai thu thuế nhà đất năm 1998, 1999 do ông P xuất trình; sổ bán hàng; xác nhận của Trưởng thôn; Biên bản kiểm kê tài sản trên đất ngày 17/02/2012 ngoài ra không có giấy tờ gì khác.

Năm 2012, toàn bộ diện tích 535m² đất ở của gia đình ông nằm trong chỉ giới xin thu hồi xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tam D thu hồi 58,8m² đất nuôi trồng thủy sản ký hiệu “TSN”, UBND xã Hoàng Đ trả 100m² đất tại khu tái định cư Đồng N, thôn Bắc 1, diện tích còn lại là 376,2m² Nhà nước chưa giao trả gia đình ông.

Tháng 3 năm 2014, ông làm đơn kiến nghị đến UBND xã Hoàng Đ, UBND huyện Tam D, UBND V và các Sở, Ban, ngành đòi lại diện tích 376,2m² đất, nhưng ông không nhận được văn bản trả lời. Ngày 25/10/2017, ông nhận được Quyết định số 2759/QĐ/UBND ngày 18/10/2017 của UBND V giải quyết đơn của ông. Ngày 27/10/2017, ông tố cáo ông Vũ Chí G - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân V ban hành quyết định trái pháp luật. Ngày 18/6/2018, ông nhận được Văn bản số 4374 của UBND Vĩnh Phúc hướng dẫn ông làm đơn khởi kiện đến Tòa án.

Ngày 20/6/2018, ông làm đơn khởi kiện ông Vũ Chí G - Phó Chủ tịch UBND V đến Tòa án nhân dân (TAND) V, khoảng gần bốn tháng sau ông nhận được thông báo trả lại đơn khởi kiện và toàn bộ đơn khởi kiện, ông không rõ lý do. Sau đó, ông gửi tiếp đơn đến Viện kiểm sát nhân dân V, Công an V và UBND Vĩnh Phúc nhưng không được trả lời. Ngày 20/01/2019, ông viết đơn kiến nghị gửi đến Chủ tịch UBND V và Văn phòng Chính phủ. Ngày 26/4/2019, ông nhận được thư của Văn phòng Chính phủ gửi UBND V nội dung giải quyết

vụ việc của ông. Ngày 29/5/2019, tại Phòng tiếp dân UBND V, bà Hoàng Thị Thúy L hướng dẫn ông làm đơn gửi đến TAND V.

Ngày 31/5/2019, ông viết đơn khởi kiện Chủ tịch UBND V, yêu cầu hủy Quyết định số 2759/QĐ/UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V và trả lại ông diện tích còn thiếu là 376,2m² đất do Quyết định số 2759/QĐ-LBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V trái với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, bởi lẽ:

Về nguồn gốc đất: Năm 1989 ông khai hoang và bắt đầu sử dụng các thửa đất số 399, 400, 401, 402 và một phần thửa đất số 307 tại xứ Đồng T, xã Hoàng Đ, huyện Tam D, V để làm nhà ở và công trình chăn nuôi với diện tích 535m², sử dụng ổn định, không tranh chấp, không đổi đất với ai và nộp tiền thuế đất đầy đủ.

Năm 2012, diện tích 535m² đất nằm trong chỉ giới thu hồi xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. UBND huyện Tam D đã thu hồi 58,8m² đất nuôi trồng thủy sản; UBND xã Hoàng Đ đã trả 100 m² đất tại khu tái định cư thôn Bắc 1; diện tích còn lại là 376,2m² đất ông đề nghị Nhà nước cấp trả cho gia đình ông khu đất tái định cư khác.

Theo bản đồ địa chính xin thu hồi và giao đất dự án đường cao tốc Nội Bài Lào Cai đoạn từ km 33 + 849 đến km 35 + 160 thuộc địa phận xã Hoàng Đan huyện Tam D, V hộ ông Phan Trung P có 5 ô đất. UBND huyện Tam D đã thu hồi 01 ô, UBND xã Hoàng Đ đã trả một ô đất thuộc khu tái định cư Đồng Nếp, thôn Bắc 1, xã Hoàng Đ, còn ba ô đất nữa Chủ tịch UBND huyện Tam D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hoàng Đ chuyển đến chỗ nào, ở đâu, hay vẫn ở chỗ cũ xứ Đồng T, thôn Đ ông không biết.

Căn cứ khoản 2 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định về bổ sung việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai thì: *“Đất do lấn, chiếm và đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01/7/2004 trở về sau thì người có hành vi lấn, chiếm hoặc được giao đất, thuê đất không đúng thẩm quyền không được bồi thường về đất khi thu hồi đất”*. Như vậy, hộ gia đình ông đã ở trên đất từ trước năm 1990 cho đến năm 2014 nên diện tích 376,2 m² đất vẫn thuộc của gia đình ông, không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính Phủ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông P chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V, rút yêu cầu khởi kiện khác. Nếu Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông thì ông sẽ yêu cầu UBND V trả lại gia đình ông 376,2 m² đất tại khu tái định cư hay chỗ cũ tại xứ Đồng T.

Ông không có quan hệ với bà H1, ông không đổi đất ruộng cho bà H1.

Ông và bà Lê Thị K1 kết hôn khoảng năm 1983 (bà K1 chết năm 2015), sau khi kết hôn ở xứ Đồng T và sinh 04 con ở tại đất này (đất của ông cha để lại). Năm 1999 bà K1 bỏ ông và 4 đứa con đi lấy chồng. Tại Bản án số

12/2005/LH-ST ngày 23 tháng 5 năm 2005, TAND huyện Tam D giải quyết ly hôn của vợ chồng ông, khi ly hôn Tòa án có tạm giao cho ông 01 ngôi nhà 04 gian và 02 gian bếp đều xây gạch, lợp ngói, 01 giếng nước xây, 01 sân gạch 40m² trên diện tích đất thổ cư 474m². Ngôi nhà và thửa đất này không liên quan đến đất ông bị thu hồi tại Đồng T. Đất này là của mẹ ông là cụ Lê Thị H2 (đã chết 2014), hiện nay hai con của ông đang ở vì cụ H2 cho hai cháu, còn ông đã xây nhà kiên cố ở trên diện tích đất Nhà nước cấp trả tại khu tái định cư Đồng N, xã Hoàng Đ. Ngoài ra, ông đang sử dụng 376,2m² đất nhưng chưa được Nhà nước giao diện tích đất này vì Nhà nước chưa thu hồi đất thổ cư ở Đồng T đối với gia đình ông.

Năm 2002, ông kết hôn với bà Hoàng Thị H3 (G1) và ở trên đất xứ Đồng T. Năm 2008 bà K1 về đòi đất ruộng, ông và bà K1 đã thỏa thuận phần ruộng đất của ai thì người đó sử dụng. Ông đã trả đầy đủ phần đất ruộng của bà K1 tại xứ đồng Cầu M (360m²) và Đồng T (ông không biết bao nhiêu), còn đất ruộng của ông ở Cầu Đ. Toàn bộ phần đất ruộng đã trình bày ở trên không liên quan đến diện tích 376,2m² đất ông đang khởi kiện (ông không cung cấp cho Tòa án bản án của Tòa án được và ông cũng không đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ).

Căn cứ Bản đồ địa chính xin thu hồi và giao đất dự án đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn từ km 33+849, km 35+160 thuộc xã Hoàng Đ, huyện Tam D, V do Trung tâm đo đạc và bản đồ V đo vẽ tháng 4 năm 2008 thì diện tích đất nhà ông thể hiện rất rõ là đất ở nông thôn (ONT) tại thửa 399 = 120m², các thửa 307, 400, 401 cũng là đất ở nông thôn nhưng trong bản đồ không ghi (ONT).

Năm 2001, cải tạo đường 310 ông bị thu hồi 51m² và nhận đền bù tổng số tiền là 1.025.44đ.

Năm 2005, Nhà nước có dự án quy hoạch đất giãn dân tại Đồng T, nhưng ông không được đền bù. Năm 2007, gia đình ông được hỗ trợ 500.000đ để sửa chữa lại nhà cấp 4.

Năm 2008, thực hiện dự án đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Nhà nước có quyết định thu hồi 58,8m² đất nuôi trồng thủy sản của gia đình ông nằm trong diện tích 535m² (Nhà nước ghi đất nông nghiệp là không đúng) và thu hồi 95m² đất nông nghiệp của ông ở giữa Đồng T, tổng cộng là 153,8m². Gia đình ông được nhận bồi thường là 29.311.344đ, phần đất bị thu hồi này ông không thắc mắc gì. Trong số 153,8m² có một phần đất của ông H4 là anh trai ruột ông. Như vậy còn lại 476m². Nhà nước đã trả ông 100m², còn lại 376m² đã làm đường cao tốc nhưng chưa được trả đất ở chỗ khác nên ông đòi phải trả đủ diện tích đất đã thu hồi cho gia đình ông. Vì vậy, ông yêu cầu hủy Quyết định số 2759/QĐ/UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND V do ông Vũ Chí G - Phó Chủ tịch UBND tỉnh là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vụ việc ông Phan Trung P ở xã Hoàng Đ, huyện Tam D, V phát sinh từ năm 2014, đơn có nội dung: “Gia đình có 535m² đất ở xứ Đồng T, xã Hoàng Đ,

huyện Tam D; thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Nhà nước đã thu hồi, bồi thường cho gia đình ông 153,8m². Nay ông P đề nghị Nhà nước trả đủ cho gia đình 380m² đất thổ cư còn lại bị xâm lấn khi thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai”.

Nội dung vụ việc khiếu nại đã được Chủ tịch UBND huyện Tam D giải quyết khiếu nại lần 1 tại Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015. Không đồng ý kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện Tam D, ông P đã khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND V và đã được Chủ tịch UBND V thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2 đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định tại Điều 21, mục 3, Chương 3 của Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND V ban hành Quy chế làm việc của UBND V, nhiệm kỳ 2016-2021; Quyết định số 4138/QĐ-CT ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND V phân công công tác của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2016-2021 và Quyết định số 599/QĐ-CT ngày 22/02/2017 của Chủ tịch UBND V về việc ủy quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Diện tích 376,4m² ông P yêu cầu công nhận là đất ở có nguồn gốc là đất hành lang giao thông thuộc quyền quản lý của Nhà nước và đất sản xuất nông nghiệp Nhà nước giao cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP của Chính phủ. Quá trình quản lý, Nhà nước đã thu hồi để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đường Tỉnh lộ 310 (năm 2001); quy hoạch đất ở giãn dân (năm 2005) và dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (năm 2008). Các nội dung này đã được nêu rõ tại Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Lý do trên bản đồ địa chính dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai do vẽ tháng 4/2008 ký hiệu thửa đất ông P đang sử dụng là đất ở nông thôn (ONT) là do thửa đất này đã được Nhà nước phê duyệt quy hoạch khu dân cư tập trung để giao đất giãn dân cho các hộ gia đình, cá nhân địa phương (chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất sản xuất nông nghiệp sang đất ở giãn dân từ năm 2005).

Do đó, Quyết định số 2759/QĐ- UBND ngày 18/10/2017 của Chủ UBND V về việc giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Hoàng Đ, huyện Tam D là đúng pháp luật. Đề nghị bác đơn khởi kiện của ông P, giữ nguyên hiệu lực Quyết định số 2759/QĐ- UBND ngày 18/10/2017 của UBND V về việc giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đoài, xã Hoàng Đ, huyện Tam D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND V do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc đất của ông P liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường GPMB thực hiện các dự án, theo Biên bản xác minh của Thanh tra tỉnh với UBND huyện Tam D ngày 29/11/2016 về nguồn gốc sử dụng đất của ông Phan Trung P và thông tin, tài liệu UBND xã Hoàng Đ cung cấp tại các Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 15/3/2014; Báo cáo số 102/BC-UBND ngày 24/11/2016 của UBND xã Hoàng Đ về nguồn gốc lịch sử thửa đất gia đình ông P đã bị thu hồi để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai xác định: Trước thời điểm

Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án ông P không có đất ở, do sau năm 1998 ông P ly hôn với vợ là bà Lê Thị H2 (còn gọi là K1) phần đất ở và đất vườn là tài sản chung, ông P đã cho bà K1 sử dụng toàn bộ.

- Đất nông nghiệp trồng lúa: 296,5 m² gồm các vị trí sau:

(1) Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số thửa 214 theo Bản đồ quy hoạch số 214, diện tích 142,7m², loại đất LUC. Đây là một nửa thửa đất số 279, tờ 16, Bản đồ 299, diện tích 144,m² (đo thực tế là 142,7m²) do vợ chồng ông P và bà K1 đã tự thỏa thuận khi ly hôn 1998 mỗi người sử dụng một nửa thửa đất số 279, tờ 16, Bản đồ 299, diện tích 288,0m² vợ chồng ông P được Nhà nước giao theo Quyết định số 450/QĐ-UB ngày 19/5/1992 của UBND V về việc điều chỉnh ruộng đất canh tác giao cho hộ xã viên. Vợ chồng ông P tự xác định ranh giới và sử dụng, không có đơn đề nghị UBND xã Hoàng Đ để tách thửa, chỉnh lý trên hồ sơ quản lý đất đai của Nhà nước.

(2) Tờ bản đồ số 16, số thửa 278 bản đồ địa chính tương ứng với số thửa 402 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 58,8m², loại đất TSN. Nguồn gốc thửa đất này ông P được anh trai ruột là Phan Văn H4 cho (theo hồ sơ quản lý diện tích là 36m², đo đạc thực tế là 58,8m², tăng so với hồ sơ quản lý đất đai 22,8m²). Việc ông H4 cho đất ông P được 02 hộ khai báo và UBND xã Hoàng Đ chỉnh lý tại hồ sơ quản lý đất đai đối với hộ ông H4 và ông P.

(3) Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số 326 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 95m², loại đất LUC. Đây là diện tích chênh lệch tăng giữa hiện trạng sử dụng đất thực tế khi thu hồi đất với hồ sơ quản lý đất đai của Nhà nước khi thu hồi thực hiện dự án đường Nội Bài - Lào Cai chưa đưa vào tính toán bồi thường cho hộ ông P. Nguyên nhân do khi đo đạc hiện trạng để lập bản đồ thu hồi đất đã thể hiện diện tích tăng so với hồ sơ quản lý đất đai diện tích 95,0m², nhưng khi quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường thì Nhà nước chỉ đưa vào theo diện tích thể hiện tại hồ sơ quản lý đất đai (qua rà soát phát hiện sai sót UBND huyện Tam D đã ban hành quyết định đình chính quyết định thu hồi đất để bổ sung 95,0m² đất này cho hộ ông P để giải quyết bồi thường bổ sung cho ông P, nhưng ông P không thừa nhận và không nhận việc giải quyết bồi thường bổ sung này).

Các giai đoạn thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phan Trung P.

Giai đoạn thực hiện các dự án Đường 310 (năm 2001):

Sau khi ly hôn và tự chia đất nông nghiệp với bà Lê Thị H2 (còn gọi là K1) nêu trên, ông P đã tự đổi 144m² (diện tích đo thực tế là 142,7m²) đất tại thửa 279 của ông cho bà Hoàng Thị H1 ở cùng thôn để lấy diện tích 144m² đất quỹ I của bà H2 tại thửa đất số 278 - BĐĐC ở giáp phần hành lang đường 210 (nay là tỉnh lộ 309) nên khi Nhà nước kiểm đếm đất đai, thu hồi đất thực hiện dự án ông P đã kê khai và được UBND xã Hoàng Đ quy chủ, trình cấp thẩm quyền thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ nhằm cho hộ ông P diện tích 51m² đất nông nghiệp tại Quyết định số 502/QĐ-UB ngày 22/3/2001 của UBND V về việc thu hồi và giao đất cho UBND huyện Tam D cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 310 và Quyết định

số 1235/QĐ-CT ngày 06/7/2000 của UBND V về việc phê duyệt phương án đền bù GPMB xây dựng Tỉnh lộ 310 (theo danh sách các hộ được đền bù có hộ ông Phan Trung P, số thứ tự 100, diện tích 51m^2 , số tiền bồi thường là 1.025.442 đồng) do vị trí thực tế tại đất thu hồi thuộc hành lang giao thông đường 310 (nay là Tỉnh lộ 309).

Sau đó, UBND Hoàng Đ đã san lấp mặt bằng phần diện tích này để quản lý hành lang giao thông; vị trí nói trên thuộc thửa số 307 (Bản đồ thu hồi đất đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai). Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng không thanh toán cho hộ ông P số tiền bồi thường nói trên. Đến nay UBND xã Hoàng Đ và các cơ quan liên quan cũng không có tài liệu nào trình để UBND V ban hành quyết định đình chỉ nội dung sai sót trên.

Giai đoạn thực hiện dự án giao đất giãn dân năm 2005:

Thửa đất ông P đổi cho bà Hoàng Thị H1 và thửa đất ông P được ông H4 cho nêu trên, ông P đã dồn 02 thửa vào thành 01 thửa để sử dụng và hình thành thửa đất có diện tích là $202,8\text{m}^2$ (trong đó có 180m^2 là đất quỹ I trong sổ sách quản lý, còn $22,8\text{m}^2$ là diện tích chênh lệch tăng giữa hiện trạng với giấy tờ quản lý đất đai của Nhà nước).

Khi Nhà nước chuẩn bị quy hoạch để thực hiện dự án giao đất ở giãn dân năm 2005 tại xã Hoàng Đ dự kiến thu hồi phần đất $202,8\text{m}^2$ này của hộ ông P để quy hoạch, thực hiện giao đất ở nhưng ông P không đồng ý để Nhà nước thu hồi. Do đó, Nhà nước chỉ quy hoạch và thu hồi đất của các hộ khác để thực hiện dự án giao đất ở đến vị trí tiếp giáp phần đất nông nghiệp diện tích $202,8\text{m}^2$ hộ ông P đang sử dụng, không có diện tích đất nào của hộ ông Phan Trung P được Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án giao đất giãn dân năm 2005 tại xã Hoàng Đ.

Giai đoạn thực hiện dự án đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai:

Ông P có 2 vị trí đất nông nghiệp liên quan tại xã Hoàng Đ theo hồ sơ quản lý gồm:

- Vị trí 1: Được giao thửa đất số 279 tờ 16 Bản đồ địa chính 299 (BĐĐC) với diện tích 288m^2 đất nông nghiệp quỹ I theo Quyết định số 450/QĐ-UB ngày 19/5/1992 của UBND V (thửa đất này sau khi ly hôn với bà K1, ông P và bà K1 tự chia đôi diện tích đất này, sau đó ông P đổi cho bà H1 nêu trên).

- Vị trí 2: Được anh trai là ông Phan Văn H4 cho 36m^2 đất quỹ I tại thửa 402 - BĐ thu hồi và giao đất dự án đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Khi đo đạc xác định hiện trạng để thu hồi đất thực hiện dự án diện tích thực tế là $58,8\text{m}^2$, chênh lệch tăng so với giấy tờ sử dụng đất là $22,8\text{m}^2$.

Sau khi đổi đất cho bà H1, ông P bao chiếm, trồng cây, đào ao, thả cá. Năm 2005 UBND xã Hoàng Đ kiểm tra, đo đạc để dự kiến đưa vào quy hoạch dự án đất giãn dân của xã Hoàng Đ, ông P phản đối gay gắt, không đồng ý Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đất giãn dân, do đó Nhà nước không quy hoạch phần diện tích này để thu hồi đất, thực hiện dự án đất ở giãn dân năm 2005 tại xã

Hoàng Đ; ông P tiếp tục sử dụng đất đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

Diện tích 95m² nêu tại mục (3) nêu trên là diện tích chênh lệch tăng giữa đo thực tế với hồ sơ quản lý đất đai tại thửa 279, diện tích 288m². Khi đưa vào thu hồi đất, bồi thường dự án đường Nội Bài - Lào Cai đã không được tính cho hộ bà K1, cũng không được tính cho hộ bà Hoàng Thị H1 mà được hình thành một phần riêng xác định là của ông Phan Trung P.

Do 02 thửa đất ở vị trí 1 và vị trí 2 này liền kề với phần đất đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường, GPMB của các hộ dân khác cùng địa phương để thực hiện dự án giao đất ở giãn dân nên quá trình sử dụng ông P đã lấn, chiếm thêm diện tích tại các ô đất số 44 diện tích 100m², ô số 45 diện tích 120m² và phần đất hành lang giao thông đường 310 diện tích 156,6m² (theo bản đồ quy hoạch dự án giãn dân năm 2005 xã Hoàng Đ) là các thửa đất 400, 401 và một phần thửa 307 (theo Bản đồ thu hồi đất đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai). Tổng số 578,4m².

Diện tích đất có liên quan sử dụng đất, đổi đất giữa ông Phan Trung P, bà Hoàng Thị H1 không nằm trong phần diện tích 376,6m² đất ông P đã lấn, chiếm đất công nói trên.

Từ mối quan hệ sử dụng đất giữa ông Phan Trung P, bà Hoàng Thị H1 như trình bày phần trên; việc thu hồi đất liên quan hộ ông P tại dự án đường Nội Bài - Lào Cai như sau:

Quyết định số 3967/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 “Về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân sử dụng để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn qua địa phận xã Hoàng Đ, huyện Tam D, V” (Quyết định 3967) đã thu hồi 287,9m² đất nông nghiệp của hộ ông Phan Trung P, hiện đang thường trú tại thôn Đ, xã Hoàng Đ để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, cụ thể: Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số 326 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 95m², loại đất LDC; Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với thửa 214 theo Bản đồ quy hoạch số 214, diện tích 142,7m², loại đất LUC; Tờ bản đồ số 16, số thửa 278 bản đồ địa chính tương ứng với số thửa 402 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 58m², loại đất TSN; Quyết định 701/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 “Về thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân sử dụng để lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án xây dựng dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai qua địa phận xã Hoàng Đ, Tam D, Vĩnh Phúc (Quyết định 701) thu hồi 153,8 m² đất nông nghiệp của hộ ông Phan Trung P (Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số 326 + 402 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích thực tế 153,8m², trong chỉ giới 153,8m², loại đất LUC).

Tại thửa đất số 402 và 326 bản đồ quy hoạch UBND huyện Tam D có việc ban hành 02 quyết định thu hồi đất (Quyết định số 3967 và Quyết định số 701) vì:

- Quá trình quyết định thu hồi đất bồi thường GPMB dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai tại Quyết định số 3967/QĐ-UBND quy chủ sai phần đất của hộ bà K1 để đưa vào thu hồi theo tên ông P (vốn dĩ là cùng một thửa đất số 279, diện tích 288m² vợ chồng ông P sử dụng trước khi ly hôn);

- Diện tích đất thu hồi của hộ ông P 58,8m² tại thửa 278 Bản đồ 299 lại đưa nhầm vào Quyết định là thửa 279.

Quyết định số 701/QĐ-UBND quy chủ thu hồi đất của ông P và hộ bà Hoàng Thị H1 theo việc tự đổi đất của các hộ, không đúng hồ sơ quản lý đất đai. Do đó, UBND huyện Tam D đã ban hành Quyết định số 430/QĐ- UBND ngày 12/4/2017 về việc đính chính Quyết định số 3967/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 và Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND huyện Tam D về việc đính chính Quyết định 701 (Quyết định 432) để đảm bảo đúng chủ sử dụng đất thu hồi và đúng với hồ sơ quản lý đất đai của Nhà nước đối với các cá nhân liên quan.

Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 về việc đính chính Quyết định số 3967 có nội dung:

(i) Thu hồi 134,1m² đất nông nghiệp của bà Lê Thị K1...để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số 325 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích thực tế 134,1m², trong chỉ giới 134,1m², ngoài chỉ giới: Không, loại đất LUC;

(ii) Đính chính tên hộ ông Phan Trung P tại Điều 2, Điều 3.

- Quyết định số 3967/QĐ-UBND thành bà Lê Thị K1. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 3967/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của UBND huyện Tam D. Số tiền được nhận bồi thường, hỗ trợ theo tên của bà Lê Thị K1 đã được ông P trả; đến nay bà K1 không có thắc mắc gì về việc này.

- Quyết định số 432 về việc đính chính Quyết định số 701 có nội dung:

(i) Thu hồi 296,5 m² đất nông nghiệp của ông Phan Trung P, cụ thể: Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số 326 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 95m², loại đất LUC; tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số thửa 214 theo Bản đồ quy hoạch số 214, diện tích 142,7m², loại đất LUC; tờ bản đồ số 16, số thửa 278 bản đồ địa chính tương ứng với số thửa 402 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 58m², loại đất TSN;

(ii) Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 701.

Hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng hộ gia đình ông P được phê duyệt bồi thường thể hiện tại 03 quyết định:

- Quyết định số 4203/QĐ-UBND ngày 20/11/2008 của UBND V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất trên địa bàn các xã Hướng Đ, An H, Hoàng Đ và thị trấn Hợp H, huyện Tam D để thực hiện tiểu dự án GPMB xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, trong đó có hộ ông Phan Trung P.

- Quyết định 658/QĐ-UB ngày 19/3/2012 của UBND V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi thu hồi đất tại xã Đồng I, Tiên L, huyện Lập T và xã Hoàng Đ, huyện Tam D thuộc tiểu dự án GPMB xây dựng đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai điều chỉnh bổ sung tăng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông P đối với 28,8m² là diện tích đất nông nghiệp chênh lệch tăng giữa đo đạc thực tế (58,8m²) so với hồ sơ quản lý đất đai (36m²) tại thửa 278, tờ 16, Bản đồ 299 (thửa 402 bản đồ QH) đất nông nghiệp có nguồn gốc ông P được anh trai là ông Phan Văn H4 cho nhưng chưa được tính toán bồi thường tại Quyết định số 4203/QĐ-UBND ngày 20/11/2008.

- Quyết định 1418/QĐ-UB ngày 21/4/2016 của UBND V về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình tiểu dự án GPMB xây dựng đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai, địa điểm: Xã Kim L, xã Đạo T, xã An H, xã Hoàng Đ, thị trấn Hợp H thuộc huyện Tam D, V. Trong đó, giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm là 463.322 đồng đối với hộ ông Phan Trung P tại Quyết định 658/QĐ-UB ngày 19/3/2012 của UBND V đã tính tăng sai tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông P 07 cây xoan.

Tổng số tiền bồi thường GPMB đất và tài sản trên đất ông Phan Trung P được phê duyệt là 137.320.217 đồng.

Việc đính chính trên không làm thay đổi về giá trị bồi thường, hỗ trợ tại các Quyết định số 658/QĐ-UB ngày 19/3/2012 của UBND V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung và Quyết định số 1418/QĐ-UB ngày 21/4/2016 của UBND V về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình đã thực hiện đối với ông Phan Trung P.

Theo Quyết định số 432 về việc đính chính Quyết định 701 ông P còn diện tích 95m² đất nông nghiệp quỹ I là diện tích chênh lệch tăng giữa hiện trạng sử dụng đất thực tế so với diện tích trên hồ sơ quản lý đất đai của Nhà nước tại thửa đất số 279, tờ bản đồ 16 như đã nêu trên, nhưng khi đưa vào phương án bồi thường Hội đồng bồi thường GPMB chỉ đưa vào tính toán theo hồ sơ quản lý đất đai nên thực tế 95m² đất này của ông P chưa được bồi thường, hỗ trợ. UBND huyện Tam D đã nhiều lần mời ông P làm việc để giải quyết bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông P, nhưng ông P không thừa nhận và đề nghị không cần giải quyết việc Nhà nước bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với 95m² đất này. Do đó, tại Quyết định 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Hoàng Đ, huyện Tam D không giải quyết về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với phần diện tích 95 m² đất nông nghiệp đối với ông P.

Việc thu hồi đất, bồi thường GPMB đối với bà Phạm Thị G1:

Giai đoạn thực hiện mở rộng đường Tỉnh lộ 310 (nay là đường 309): Tại hồ sơ thu hồi đất, bồi thường GPMB để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đường Bến G - Tam Q huyện Tam Đ (Km 0 – Km13+698m) không có việc thu hồi đất của hộ bà Phạm Thị G1 ở khu Đồng T, xã Hoàng Đ.

Giai đoạn thực hiện dự án giao đất giãn dân năm 2005 xã Hoàng Đ:

Năm 2005, UBND xã Hoàng Đ thực hiện dự án xây dựng khu đất giãn dân khu Đồng T, xã Hoàng Đ; đã thu hồi diện tích còn lại của thửa đất 201.2 BĐDC của bà G1 và bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà G1; đến nay bà G1 không có thắc mắc gì, cụ thể:

- Quyết định số 1367/QĐ-UB ngày 24/10/2005 của UBND huyện Tam D v/v thu hồi và giao đất cho hộ gia đình cá nhân làm nhà ở tại xã Hoàng Đ, huyện Tam D (kèm theo danh sách các hộ có đất thu hồi) thể hiện phần đất thu hồi của hộ bà G1 như sau:

+ Tên chủ hộ có đất thu hồi: Ông Phan Văn K con trai của bà Phạm Thị G1 đại diện chủ hộ (tại danh sách ghi nhầm là Nguyễn Văn K);

+ Diện tích đất thu hồi: 237m² đất nông nghiệp quỹ I, hạng 2, tại thửa số 201.2, tờ bản đồ 16, bản đồ 299 xã Hoàng Đ.

- Quyết định số 1540/QĐ-UB ngày 28/11/2005 của UBND huyện Tam D v/v duyệt phương án đền bù GPMB xây dựng quy hoạch khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đ, huyện Tam D (kèm theo danh sách các hộ nhận bồi thường có) thể hiện như sau:

+ Tên chủ hộ có đất thu hồi là ông Phan Văn K con trai của bà Phạm Thị G1 đại diện chủ hộ (tại danh sách ghi nhầm là Nguyễn Văn K);

+ Diện tích đất thu hồi: 237m² đất nông nghiệp quỹ I, hạng 2, tại thửa số 201.2, tờ bản đồ 16, bản đồ 299 xã Hoàng Đ;

+ Số tiền đền bù là: 9.334.482 đồng.

Diện tích thu hồi 237m² đất nông nghiệp của hộ bà Phạm Thị G1 được quy hoạch là các ô đất số 44 diện tích 100m², ô số 45 diện tích 120m² và một phần diện tích 17m² thành đất hành lang giao thông đường 310 (theo Bản đồ quy hoạch dự án giãn dân năm 2005 xã Hoàng Đ) và là các thửa đất 400, 401 và một phần thửa 307 (theo Bản đồ thu hồi đất đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai).

Phần diện tích này nằm toàn bộ trong tổng diện tích 376,2m² mà ông P đã lấn chiếm đất công của Nhà nước trước khi thu hồi đất GPMB để thực hiện dự án đường Nội Bài - Lào Cai.

Giai đoạn thực hiện dự án đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai: Qua kiểm tra, xác minh; UBND xã Hoàng Đ và UBND huyện Tam D có những thời điểm báo cáo việc ông P đổi thửa đất số 278, tờ 16, Bản đồ 299, diện tích 144m² cho hộ bà Phạm Thị G1 để lấy diện tích 51m² của hộ bà G1 ở thửa 201.2 của bà G1 để có vị trí gần mặt đường 310. Tuy nhiên, tại hồ sơ quản lý đất đai của UBND xã Hoàng Đ không có tài liệu thể hiện việc 02 hộ kê khai biến động, sử dụng đất; không có giấy tờ thỏa thuận giữa 02 hộ về việc đổi đất này. Do đó, giai đoạn thực hiện dự án đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai; hộ bà Phạm Thị G1 không có diện tích đất nông nghiệp nào liên quan đến việc đổi đất với hộ ông Phan Trung P được Nhà nước thu hồi.

Về việc thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị H1: Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của UBND huyện Tam D (Quyết định 3915) “Về thu

hồi đất của hộ gia đình, cá nhân sử dụng để lập phương án bồi thường GPMB thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn qua địa phận xã Hoàng Đ, huyện Tam D, V thu hồi 142,7m² đất nông nghiệp của hộ ông Lý Hồng K2 (Tờ bản đồ số 16, số thửa 201.1 bản đồ địa chính tương ứng với thửa số 314 theo Bản đồ quy hoạch, loại đất LUC); Quyết định số 4203/QĐ-UBND ngày 20/11/2008 của UBND V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất hộ ông Lý Hồng K2 (con trai bà H1), tổng số tiền bồi thường là 15.118.828,0 đồng; hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đến nay không thắc mắc.

Qua kiểm tra đã phát hiện việc quy chủ sử dụng đất và diện tích thu hồi không đúng hồ sơ quản lý đất đai, do đó ngày 12/4/2017 UBND huyện Tam D ban hành Quyết định số 431/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của UBND huyện Tam D, đã đính chính tên chủ sử dụng từ Lý Hồng K2 sang Hoàng Thị H1 và 142,7m² được đính chính thành 144m². Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 391.

Diện tích thu hồi này của hộ bà Hoàng Thị H1 là tại vị trí đôi đất với ông Phan Trung P; thời điểm đôi đất là tại thửa 278, tờ 16, Bản đồ 299; Thời điểm thu hồi để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc thửa số 201.1, tờ 16, Bản đồ địa chính xã Hoàng Đ (là một phần các thửa 307, 399, 400 theo BĐQH xã Hoàng Đ).

Như vậy, UBND V khẳng định trong quá trình giải quyết vụ việc ông Phan Trung P đưa ra một số ý kiến để nhận thức và giải thích rằng diện tích 376,2m² đất ở xứ Đồng T, xã Hoàng Đ - Tam D ông sử dụng đã được Nhà nước GPMB để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai là đất khai hoang của gia đình ông do ông cha để lại và trên thực tế đất này ông đã xây dựng các công trình, nhà ở để sử dụng ổn định nên khi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng diện tích đất này thì phải bồi thường cho ông bằng đất ở tái định cư là không có cơ sở bởi vì: Diện tích 376,2m² đất ở xứ Đồng T, xã Hoàng Đ, huyện Tam D Nhà nước đã GPMB đối với ông Phan Trung P để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai hoàn toàn là lấn chiếm đất công do Nhà nước quản lý gồm các diện tích cụ thể sau:

+ Diện tích 156,2m² đất ông P lấn, chiếm thuộc đất hành lang giao thông của Đường 310; thời điểm thu hồi đất dự án đường Nội Bài - Lào Cai thuộc đất hành lang giao đường Tỉnh lộ 309 và được thể hiện là một phần thửa số 307 - Bản đồ quy hoạch thu hồi đất dự án gường cao tốc Nội Bài - Lào Cai).

+ Diện tích 237m² đất ông P lấn, chiếm thuộc đất công do Nhà nước quản lý đã được Nhà nước quy hoạch làm đất ở của dự án đất giãn dân xã Hoàng Đ năm 2005 được thể hiện là các ô đất số 44 và 45 theo bản đồ Quy hoạch đất giãn dân 2005 của xã Hoàng Đ (chính là các thửa số 400, 401 và một phần nhỏ thửa 307- BĐQH thu hồi đất dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai) có lịch sử nguồn gốc là đất nông nghiệp quỹ I của chủ hộ bà Phạm Thị G1 (con trai là Phan Văn K) đã được Nhà nước thu hồi đất, bồi thường GPMB để thực hiện dự án đất giãn dân xã Hoàng Đ năm 2005 tại Quyết định số 1367/QĐ-UB ngày

24/10/2005 của UBND huyện Tam D V/v thu hồi và giao đất cho hộ gia đình cá nhân làm nhà ở tại xã Hoàng Đ, huyện Tam D và Quyết định số 1540/QĐ-UB ngày 28/11/2005 của UBND huyện Tam D V/v duyệt phương án đền bù GPMB xây dựng khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đ, huyện Tam D thể hiện diện tích đất thu hồi là 237m² đất nông nghiệp quỹ I, hạng 2 tại thửa số 201.2, tờ bản đồ 16, bản đồ 299 xã Hoàng Đ. Như vậy, toàn bộ diện tích 376,2m² đất ở xứ Đồng T, xã Hoàng Đ, huyện Tam D ông P đã lấn chiếm không có khoảng trống thời gian nào là đất hoang hóa để cho gia đình ông P khai hoang và do ông cha để lại. Tại hồ sơ quản lý đất đai của Nhà nước không có bất kỳ tài liệu nào thể hiện việc gia đình ông P kê khai sử dụng đất khai hoang trên phần diện tích đất này.

Trong quá trình lấn chiếm sử dụng 376,2m² đất ở xứ Đồng T, xã Hoàng Đ, huyện Tam D Nhà nước đã GPMB đối với ông Phan Trung P để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, ông P đã xây dựng công trình và tài sản, vật kiến trúc trái phép trên đất vi phạm; nhiều lần đã được chính quyền Nhà nước yêu cầu tự tháo dỡ công trình vi phạm để trả lại mặt bằng đất cho Nhà nước quản lý, nhưng ông P cố tình không chấp hành. Khi hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Nhà nước không thu hồi đất của ông P mà chỉ giải phóng mặt bằng (giải tỏa) và thực hiện hỗ trợ phần tài sản, vật kiến trúc trên đất vi phạm cho hộ ông P. Do vậy, mặc dù ông P có xây dựng công trình, tạo lập tài sản trên đất vi phạm thì cũng không phải là căn cứ pháp lý để được Nhà nước bồi thường đất tái định cư cho ông P khi Nhà nước GPMB đất để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

UBND huyện Tam D có Quyết định số 7626/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 về việc giao đất giãn dân cho hộ ông Phan Trung P 01 ô đất ở tại khu tái định cư Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thôn Bắc 1 xã Hoàng Đ, huyện Tam D là do khi Nhà nước vận động ông Phan Trung P để giải phóng mặt bằng diện tích 376,6m² đất ông P lấn chiếm để thực hiện dự án Đường Nội Bài - Lào Cai; mặc dù ông P đã nhận đủ số tiền Nhà nước bồi thường, hỗ trợ nhưng sau đó lại trây ỳ, không tự giác giao mặt bằng đất cho Nhà nước với lý do ông không có chỗ ở. Do đó, Nhà nước đã giao cho ông P 01 ô đất giãn dân là đã tạo điều kiện cho ông P có nơi ở để đảm bảo an sinh và để ông P chấp hành giải phóng mặt bằng và giao mặt bằng đất cho Nhà nước thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; không có tài liệu, bằng chứng về việc Nhà nước giao đất tái định cư cho ông Phan Trung P; không có mối liên hệ về việc Nhà nước đã giao một phần đất tái định cư cho ông P, còn một phần chưa trả cho ông nên ông P khiếu kiện để được Nhà nước trả nốt phần đất tái định cư còn lại.

Qua kiểm tra, xác minh giải quyết vụ việc cũng đã phát hiện những tồn tại, thiếu sót khác của UBND xã Hoàng Đ, UBND huyện Tam D trong trách nhiệm quản lý hành chính Nhà nước về đất đai tại địa phương như: Không yêu cầu công dân thực hiện đúng trình tự, thủ tục cho tặng đất nông nghiệp của ông Phan Văn H4 (anh trai ông P) cho, tặng ông P 36m² đất nông nghiệp tại thửa tại thửa đất số 278 - BĐĐC mà chỉ theo dõi trên sổ mục kê theo dõi biến động đất đai và chỉnh lý trên bản đồ của UBND xã; việc quy chủ, kiểm đếm đất đai để trình cấp thẩm quyền ban hành Quyết định số 502/QĐ-UB ngày 22/3/2001 của UBND V

về việc thu hồi và giao đất cho UBND huyện Tam D cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 310 và Quyết định số 1235/QĐ-CT ngày 06/7/2000 của UBND V về việc phê duyệt phương án đền bù GPMB xây dựng tỉnh lộ 310 thu hồi và phê duyệt bồi thường, hỗ trợ nhằm cho ông Phan Trung P diện tích 51m² đất nông nghiệp vào phần diện tích hành lang giao thông đường 310; tuy UBND xã Hoàng Đ đã phát hiện sai sót, không chi trả tiền bồi thường cho hộ ông P, tiến hành san lấp mặt bằng đất để quản lý hành lang giao thông nhưng không làm thủ tục trình cấp thẩm quyền để đính chính sai sót nói trên. Do đã hết thời hiệu xử lý về xử lý vi phạm hành chính của tập thể, cá nhân liên quan; do đó UBND tỉnh chỉ rút kinh nghiệm, chấn chỉnh đối với địa phương về quản lý hành chính về đất đai tại địa phương trong quá trình xem xét giải quyết đơn của ông Phan Trung P.

Việc ông P khiếu kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 2759/QĐ/UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V “Về việc Giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Hoàng Đ, huyện Tam D, tỉnh Vĩnh Phúc” liên quan đến các quyết định thu hồi đất của UBND V, UBND huyện Tam D để thực hiện các dự án nêu trên, UBND V thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án UBND V cung cấp đầy đủ, hệ thống các văn bản liên quan đến trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính này, tuy nhiên do thời gian đã lâu, việc quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu của các cơ quan liên quan cũng như việc quản lý Nhà nước về đất đai của UBND xã Hoàng Đ còn nhiều hạn chế, yếu kém, vì vậy UBND V không cung cấp đầy đủ hồ sơ, hệ thống các tài liệu cho Tòa án, nhưng về cơ bản các Quyết định hành chính về thu hồi đất liên quan đến khiếu kiện của ông Phan Trung P do UBND V và các cơ quan liên quan xuất trình cho Tòa án là tương đối đầy đủ.

Đánh giá về tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của quyết định hành chính cũng như tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính về thu hồi đất, bồi thường, GPMB thực hiện các dự án liên quan ông Phan Trung P, UBND V thấy: Việc ban hành các quyết định hành chính này đã đảm bảo đúng các quy định của Luật Đất đai cũng như các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư và văn bản khác hướng dẫn thi hành Luật Đất đai qua các thời kỳ. Khi phát hiện các sai sót tại các quyết định trên, UBND huyện Tam D đã phải ban hành các quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 về việc đính chính Quyết định số 3967/QĐ-UBND ngày 07/11/2008, Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND huyện Tam Dương về việc đính chính Quyết định 701/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 và Quyết định số 431/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của UBND huyện Tam D để khắc phục. Việc ban hành các quyết định đính chính không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân liên quan và để đảm bảo đúng hồ sơ quản lý đất đai của Nhà nước đối với công tác thu hồi đất, bồi thường GPMB thực hiện dự án. Sau khi triển khai các dự án và thực hiện các quyết định thu hồi đất trên địa bàn V nói chung và UBND xã Hoàng Đ, huyện Tam D nói riêng, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân được bảo đảm, cuộc sống của người dân đã đi vào ổn định.

UBND V thống nhất cao với đánh giá của Chủ tịch UBND V về tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung quyết định hành chính cũng như tính

hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính về thu hồi đất của Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tam D; Quyết định số 2759/QĐ- UBND ngày 18/10/2017 của UBND V “V/v giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở Thôn Đ, xã Hoàng Đ, huyện Tam D” của Chủ tịch UBND V. Ông Phan Trung P khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND huyện Tam D trình bày:

Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện Tam D đã đảm bảo đúng về hình thức và nội dung nội dung theo quy định của pháp luật, cụ thể: Hình thức Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện Tam D được ban hành theo Mẫu số 15-KN ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Qua rà soát về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản cho thấy Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện Tam D đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT- BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Nội dung Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện Tam D được xác minh, kết luận, quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền: Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tam D được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

Quyết định do Phó chủ tịch UBND huyện Nguyễn Hữu D (thay mặt Chủ tịch UBND huyện) ký ban hành. Việc Phó chủ tịch UBND huyện ký dựa trên những căn cứ sau:

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND huyện về việc ban hành Quy chế làm việc của UBND huyện nhiệm kỳ 2016-2021 quy định: “Phó Chủ tịch UBND huyện ký thay Chủ tịch UBND huyện những văn bản thuộc lĩnh vực được Chủ tịch phân công phụ trách hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch UBND huyện ngoài việc ký thay Chủ tịch UBND huyện các văn bản về lĩnh vực được phân công phụ trách còn được Chủ tịch ủy quyền, ủy nhiệm, giao quyền ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND khi Chủ tịch UBND huyện giao hoặc đi vắng”.

- Căn cứ khoản 2 Điều II Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó chủ tịch và ủy viên UBND huyện nhiệm kỳ 2016-2021, ông Nguyễn Hữu D - Phó chủ tịch UBND huyện được phân công: “...cùng Chủ tịch chỉ đạo một số nội dung công việc của các phòng, đơn vị: Văn phòng HĐND&UBND; Thanh tra huyện; Ban Tiếp công dân”, “chỉ đạo giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách”.

- Căn cứ điểm 1.2, khoản 1 Điều 1 Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Tam D, quy định: “Các Phó chủ tịch UBND huyện được Chủ tịch UBND huyện giao thực hiện ký thay Chủ tịch về lĩnh vực và công việc được phân công phụ trách, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện và pháp luật với các Văn bản đó...”. Như vậy, Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện Tam D thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện nhưng do Phó chủ tịch UBND huyện Nguyễn Hữu D ký thay là thực hiện theo đúng quy định pháp luật, quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của UBND huyện Tam D.

Về trình tự, thủ tục ban hành:

Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện Tam D được thực hiện theo quy định tại Mục 2, Chương 3 Luật khiếu nại năm 2011, cụ thể như sau:

- Ngày 28/8/2015, UBND huyện ban hành Quyết định số 2086/QĐ-UBND thụ lý khiếu nại và thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại của ông Phan Trung P, thôn Đ, xã Hoàng Đ.

- Ngày 28/8/2015, UBND huyện ban hành Thông báo số 885/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Phan Trung P, thôn Đ, xã Hoàng Đ.

- Ngày 01/9/2015, Đoàn xác minh (Đoàn thanh tra) nội dung khiếu nại ban hành kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại của ông Phan Trung P, thôn Đ, xã Hoàng Đ.

- Ngày 08/9/2015, UBND huyện Tam D tổ chức hội nghị công bố quyết định xác minh khiếu nại.

- Ngày 06/10/2015, Đoàn xác minh (Đoàn thanh tra) nội dung khiếu nại tổ chức hội nghị đối thoại với người khiếu nại.

- Ngày 26/10/2015, Đoàn xác minh (Đoàn thanh tra) nội dung khiếu nại ban hành Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Hoàng Đ, huyện Tam D.

- Ngày 09/12/2015, Chủ tịch UBND huyện Tam D ban hành Quyết định số 3156/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại về đất đai của ông Phan Trung P.

Về thời hiệu, thời hạn ban hành: Ông Phan Trung P có nội dung khiếu nại gửi UBND huyện Tam D liên quan đến việc Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông P để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Nội dung khiếu nại được Thanh tra huyện thống nhất với ông Phan Trung P tại biên bản chốt nội dung khiếu nại của ông Phan Trung P ngày 27/8/2015.

Ngày 28/8/2015, UBND huyện ban hành Quyết định số 2086/QĐ-UBND thụ lý khiếu nại và thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại của ông Phan Trung P, thôn Đ, xã Hoàng Đ.

Thời hiệu giải quyết khiếu nại của ông Phan Trung P được thực hiện đúng quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011.

Thời hạn giải quyết khiếu nại bị kéo dài so với quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, lý do: Vụ việc đặc biệt phức tạp, hồ sơ địa chính lưu trữ không đầy đủ, phải xác minh nhiều nội dung, liên quan đến quyền và lợi ích của nhiều người nên không kịp hoàn thành theo thời hạn quy định.

Về nội dung Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015: UBND huyện Tam Dương đã thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại, kết quả xác minh như sau: UBND xã Hoàng Đ xác nhận về quá trình sử dụng đất của ông P tại vị trí giáp Tỉnh lộ 309: Trước năm 1990 ông P có làm quán nhỏ để bán hàng, sửa chữa xe đạp nhưng không sinh sống tại đây mà vẫn sinh sống tại thôn Đ - Hoàng Đ. Năm 2005 quy hoạch đất giãn dân khu Đồng T, UBND xã Hoàng Đ đã tổ chức hội nghị vận động tuyên truyền, yêu cầu ông P thu dọn các loại cây trồng trên đất, bàn giao mặt bằng để làm thủ tục giao đất và ưu tiên giao cho ông P 01 ô đất giãn dân nhưng ông P không đồng ý mà tự ý bỏ về khỏi hội nghị. Do vậy, không thể xác nhận ông P có đất thổ cư tại Đồng T.

Tại biên bản kiểm kê đất và tài sản, hoa lợi trên đất ngày 17/02/2012, Tổ kiểm kê đã kiểm kê tài sản trên đất và hiện trạng thửa đất mà hộ gia đình ông P đã chiếm dụng xây quán bán hàng và tạo lập tài sản trên đất. Theo báo cáo của UBND xã Hoàng Đ thì toàn bộ tài sản, vật kiến trúc trên đất là do gia đình ông P đã xây dựng, tạo lập trên diện tích đất đã thu hồi, bồi thường GPMB quy hoạch đất giãn dân khu Đồng T, xã Hoàng Đ năm 2005 và hành lang giao thông đường Tỉnh lộ 309. Do vậy, trong phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của hộ ông P được UBND V phê duyệt tại Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 hộ ông P không được bồi thường về đất vì UBND xã Hoàng Đ không công nhận gia đình ông có đất ở hợp pháp tại vị trí gia đình đã chiếm dụng xây quán bán hàng và tạo lập tài sản trên diện tích khoảng 535m² đất mà chỉ được tính hỗ trợ 80% tiền tài sản, vật kiến trúc và hoa lợi trên đất.

Ngày 06/10/2015, UBND huyện Tam D đã tổ chức hội nghị đối thoại với ông Phan Trung P. Kết quả hội nghị, ông P không cung cấp được các giấy tờ tài liệu nào chứng minh cho việc ông P có 535m² đất thổ cư ở xứ đồng T, xã Hoàng Đ. Các ý kiến của các thành phần tham gia hội nghị đã phân tích, giải thích cho ông P biết việc ông đề nghị trả đất thổ cư trên là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định và căn cứ trên, Chủ tịch UBND huyện Tam D đã ra quyết định: Việc ông Phan Trung P có nội dung khiếu nại: Gia đình có 535m² đất ở xứ Đồng T, xã Hoàng Đ. Thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Nhà nước đã thu hồi 153,8m². Nay ông P đề nghị chính quyền giải quyết trả đủ 380m² đất thổ cư còn lại bị xâm lấn khi thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai là không đủ căn cứ pháp luật để giải quyết vì: Hộ ông Phan Trung P được giao thửa đất nông nghiệp số 279, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299), diện tích 288m² tại xứ Đồng T, xã Hoàng Đ. Trong quá trình sử dụng, hộ ông P tự ý đổi 144m² đất thuộc một phần thửa đất số 279 để lấy 144m² đất thửa số 201.1 của bà Hoàng Thị H1 (giáp đường Tỉnh lộ 310), hộ ông P đã xây dựng quán bán hàng và một số công trình phụ, bếp, hệ thống chuồng trại, sân, vườn để chăn nuôi trên

diện tích đất đổi. Năm 2005, UBND xã Hoàng Đ quy hoạch 45 ô đất giãn dân dọc theo Tỉnh lộ 310 (nay là Tỉnh lộ 309) bắt đầu từ vị trí đất ông P xây công trình phụ và quán bán hàng. Hộ ông P được UBND xã Hoàng Đ đồng ý giao cho 01 ô đất theo quy hoạch này, nhưng phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Tuy nhiên, ông P không nộp tiền sử dụng đất mà tiếp tục chiếm dụng 02 ô ở đất quy hoạch liền kề (mỗi ô 100m²) để làm chuồng trại chăn nuôi.

Đôi chiếu với quy định tại Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, nay là khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 thì ông P không sử dụng đất ổn định và liên tục, không sử dụng vào mục đích đất ở. Năm 2001 ông P vẫn nhận bồi thường về đất lúa quỹ 1, hạng 2. Đến 2005, một phần diện tích ông P chiếm dụng (237m²) dự án đất giãn dân bồi thường cho hộ bà G1 với số tiền là 9.334.482đ, hộ bà G1 đã nhận đủ tiền và bàn giao diện tích đất trên cho UBND xã Hoàng Đ để sử dụng làm đất giãn dân. Đồng thời, ngay tại thời điểm sử dụng đất ông P đã lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn Tỉnh lộ 310 (nay là Tỉnh lộ 309). Năm 2008, thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, toàn bộ các thửa đất hộ ông P đã chiếm dụng sử dụng bị thu hồi để làm đường (tại Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 25/6/2008 của UBND V). Ngày 17/02/2012, Tổ kiểm kê tài sản có trên diện tích hộ ông P đang chiếm dụng khoảng (535m²) để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, hộ ông P đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản có trên đất là 99.984.150 đồng vào ngày 01/3/2012 (chi tiết đã được nêu trong Văn bản số 1968/UBND-TD2 ngày 21/4/2015 của UBND V). Việc hộ gia đình không được bồi thường về đất ở khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai là đúng quy định của pháp luật đất đai.

Ông P tiếp tục có đơn đề nghị chuyển 380m² đất đến khu đất tái định cư thôn Bắc 1, xã Hoàng Đ là không có cơ sở để xem xét, giải quyết vì thửa 401, 402 (BĐQH) là diện tích thuộc quyền sử dụng của hộ bà Hoàng Thị H1, Phạm Thị G1 và của dự án giãn dân khu Đồng T.

Xét điều kiện hoàn cảnh khó khăn ông P không có nhà ở, Hội đồng xét cấp đất thổ cư xã Hoàng Đ đã họp nhất trí làm các thủ tục trình cấp có thẩm quyền giao cho ông P 01 ô đất thổ cư diện tích 100m² tại khu vực Đồng N, thôn B, xã Hoàng Đ. Hộ ông P đã xây dựng nhà ở tại ô đất được giao giãn dân. Về nghĩa vụ tài chính, hộ ông P chưa thực hiện tại vị trí ô đất được giao khu vực Đồng N, thôn B, xã Hoàng Đ. Xét điều kiện hộ ông P, vận dụng cho phép hộ ông P nộp tiền sử dụng đất và thực hiện việc miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (sau khi ông P có đơn đề nghị và được UBND xã Hoàng Đ xác nhận).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Tam D do ông Nguyễn Minh T2 - Phó Chủ tịch UBND huyện Tam D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thông nhất nội dung các bản tự khai 07/01/2020 và ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện và nội dung Văn bản số 1231/UBND- TNMT ngày 29/4/2022. Các quyết định do UBND huyện Tam D ban hành đều hợp pháp và

có căn cứ pháp luật; đều thuộc thẩm quyền ban hành của UBND cấp huyện. Trình tự thủ tục được thực hiện theo đúng quy định; đúng thời hiệu, thời hạn và đều liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông P.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H1 trình bày: Bà được giao đất ruộng tại Đồng T có diện tích 144m² tại thửa 201.1 tờ bản đồ số 16. Khoảng năm 1990 bà đổi ruộng cho ông Phan Trung P thửa 201.1 diện tích 144m² ở ngoài Đồng T lấy ruộng của ông P 144m² ở giữa đồng. Khi đổi ruộng hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có giấy tờ và cũng không báo cáo chính quyền địa phương.

Năm 2005 quy hoạch đất giãn dân bà không nhận tiền đền bù vì không đủ diện tích 144m². Năm 2008 thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, UBND V đã trả đủ 144m² đất bằng tiền, anh Lý Hồng K2 con trai bà đã nhận tiền đầy đủ, gia đình bà đã giao đất cho UBND tỉnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Văn K (con bà Bà Phạm Thị G1, bà G1 đã chết) trình bày như sau: Năm 1986, 1989 theo Nghị quyết giao đất 10% kinh tế phụ gia đình, gia đình anh được giao 04 khẩu đất 10%, diện tích 288m² thuộc thửa 201.2 tờ bản đồ số 16 tại xứ Đồng T, thôn Đ gần đường tỉnh lộ 310 nay là tỉnh lộ 309. Khoảng năm 1991 gia đình anh đổi ruộng cho ông Phan Trung P, hai bên thỏa thuận đổi miệng không có giấy tờ. Sau khi đổi ruộng, ông P sử dụng ruộng nhà anh, còn gia đình anh sử dụng ruộng nhà ông P ở giữa Đồng V, ông P đào đất làm gạch và nuôi gà vịt.

Năm 2005, UBND xã quy hoạch giãn dân, gia đình anh lấy lại ruộng đổi cho ông P, nhận tiền đền bù và trả đất cho Hợp tác xã, giữa gia đình ông và gia đình ông P không xảy ra xích mích gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC-ST ngày 17 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân V đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trung P về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND V “Giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Hoàng Đ, huyện Tam D, V”.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/6/2022, ông Phan Trung P có đơn kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V về việc giải quyết đơn của ông Phan Trung P, yêu cầu trả lại cho ông 04 ô đất số 307, 399, 400 và 401 do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã xác nhận là đất thổ cư bị lấy làm đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Trung P giữ nguyên nội dung kháng cáo và ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông P cho rằng diện tích 535m² đất bị thu hồi thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai có nguồn gốc là

đất thổ cư của ông cha ông để lại, gia đình ông đã làm nhà ở trên đất từ năm 1990. Khi thu hồi đất gia đình ông mới được bồi thường 100m² đất nên yêu cầu Nhà nước trả lại cho ông diện tích 376,2m² đất còn thiếu. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V về việc giải quyết đơn của ông Phan Trung P, trả lại cho ông diện tích 376,2m² đất còn thiếu.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND V vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND V trình bày: Diện tích đất ông P khởi kiện trước năm 2005 là đất nông nghiệp, năm 2005 diện tích đất này đã được quy hoạch dự án khu dân cư, không phải là đất ông cha để lại như ông P trình bày và giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của ông P tại phiên tòa đã kết luận: Ông P cho rằng gia đình ông có 535m² đất nằm trong chỉ giới thu hồi thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, mới được Nhà nước trả 01 ô tái định cư, còn thiếu 376,2m² đất nên khởi kiện yêu cầu trả lại diện tích đất còn thiếu. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông P không nói rõ được vị trí và diện tích đất của gia đình ông, các tài liệu xác minh thể hiện gia đình ông P có 374m² đất thổ cư đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn các thửa đất ruộng trong đó có thửa số 279 diện tích 288m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất, ông P đã tự ý đổi 144m² đất thuộc một phần thửa số 279 lấy diện tích 144m² đất của bà H1, liền kề với thửa đất của bà G1. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P không thừa nhận việc đổi đất, nhưng căn cứ lời khai của bà H1, bà G1 và các tài liệu khác liên quan đến việc thu hồi, bồi thường đất có cơ sở xác định có việc ông P đổi đất của bà H1, bà G1 và diện tích đất này nằm trong quy hoạch dự án mở rộng Tỉnh lộ 310 và dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, ông P cũng thừa nhận nhận tiền bồi thường từ việc thu hồi 51m² đất. Kết quả xác minh thể hiện 376,2m² đất đã được GPMB để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai là do ông P lấn chiếm đất công, đã được quy hoạch đất giãn dân năm 2005. Khiếu nại của ông P đã được Chủ tịch UBND huyện Tam D và Chủ tịch UBND V giải quyết khiếu nại, không chấp nhận yêu cầu của ông P đòi trả lại 376,2m² đất. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Trung P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính: Tại đơn khởi kiện ông P yêu cầu hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V (sau đây viết tắt là Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017) về việc giải quyết đơn của ông Phan Trung P và cấp trả lại 376,2m² đất cho gia đình ông tại khu tái định cư. Tại biên bản kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông P chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017, rút yêu cầu trả lại 376,2m² đất cho gia đình ông tại khu tái định cư. Do đó, đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V. Do Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tam D, V (sau đây viết tắt là Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015) về việc giải quyết khiếu nại về đất đai của ông Phan Trung P có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đồng thời tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 là đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Thời hiệu khởi kiện: Tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện ông P khai ngày 25/10/2017 ông nhận được Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017. Tòa án nhân dân V nhận được đơn khởi kiện của ông Phạm Trung P đề ngày 20/6/2018 qua đường dịch vụ bưu chính ngày 28/6/2018 có nội dung đề nghị Tòa án ra quyết định kỷ luật buộc thôi việc đối với Phó Chủ tịch UBND V, hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; buộc UBND huyện Tam D, UBND V giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 476,2m² đất ONT tại khu tái định cư khu Đồng N, thôn B, xã Hoàng Đ gia đình ông P đang sử dụng và sở hữu; buộc UBND huyện Tam D, UBND V bồi thường thiệt hại, khắc phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông do quyết định hành chính gây ra. Ngày 10/7/2018, Tòa án nhân dân V có Thông báo số 31/TB-TA yêu cầu ông P sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Ngày 20/7/2018, ông P đã ký nhận thông báo nêu trên. Ngày 25/7/2018, ông P nộp lại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2018 nên Tòa án nhân dân V có Thông báo số 18/2018/TB-TA trả lại đơn khởi kiện cho ông P do không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo Thông báo số 31/TB-TA ngày 10/7/2018. Ngày 10/9/2018, Tòa án nhân dân V có Văn bản số 36/CV-TA có nội dung không xem xét đơn khởi kiện của ông P do ông P không thực hiện sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên, căn cứ dấu bưu điện và dấu công văn đến của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, dấu công văn đến của Tòa án nhân dân V đề ngày 13/9/2018, 14/9/2018 và 21/9/2018 thể hiện đơn khởi kiện của ông P đề ngày 20/6/2018 và 13/7/2018 đã sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Tòa án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của ông P đảm bảo thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 và khoản 2 Điều 122 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án:

Toà án nhân dân V thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.4] Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 27/6/2022, ông Phan Trung P có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.5] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Tam D, Chủ tịch UBND huyện Tam D không có kháng cáo đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H1 và anh Phan Văn Kt đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ông Phan Trung P, đại diện theo ủy quyền của UBND V và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đều đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy đây là phiên tòa mở lần thứ 2, các đương sự vắng mặt đều đã được triệu tập hợp lệ, bà H1 và anh K vắng mặt nhưng đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên quyết định tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Phan Trung P đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

[2.1] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tam D, V (sau đây viết tắt là Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015) về việc giải quyết khiếu nại về đất đai của ông Phan Trung P.

- Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND huyện Tam D ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông Phan Trung P là đúng quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011; Quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của UBND huyện Tam D.

- Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 23/7/2015, ông Phan Trung P có đơn khiếu nại về việc gia đình ông có 535m² đất ở tại xứ Đồng T, xã Hoàng Đ đã bị Nhà nước thu hồi 153,8m² đất để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai, còn thiếu 376,2m² đất thổ cư bị xâm lấn khi thực hiện dự án đường cao tốc chưa được giải quyết để yêu cầu trả lại 376,2m² đất cho ông. Ngày 28/8/2015, UBND huyện Tam D có Thông báo số 885/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại của ông P và ban hành Quyết định số 2086/QĐ-UBND thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 01/9/2015, Đoàn xác minh lập kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại của ông P. Ngày 07/9/2015, Thanh tra huyện Tam D tổ chức công bố quyết định, kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại của ông P. Đoàn xác minh đã lập biên bản tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của ông P, sau đó tổ chức đối thoại với người khiếu nại vào ngày 06/10/2015. Ngày 26/10/2015, Đoàn Thanh tra ban hành Báo cáo số 01/BC-ĐTTr về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông P. Trên cơ sở kết quả xác minh, ngày 09/12/2015 Chủ tịch UBND huyện Tam D ban hành Quyết định số 3156/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại về đất đai của ông Phan Trung P là đúng

trình tự, thủ tục được quy định tại các Điều 27, 29, 30 và 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về thời hiệu, thời hạn khiếu nại: Ngày 27/8/2015, Thanh tra huyện Tam D đã lập biên bản làm việc chốt nội dung khiếu nại của ông P. Ngày 28/8/2015, thụ lý đơn khiếu nại là đảm bảo đúng quy định tại Điều 27 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về thời hạn giải quyết khiếu nại quá thời hạn quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011. Chủ tịch UBND huyện Tam D cũng thừa nhận thiếu sót này và cho rằng việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại quá thời hạn theo quy định là do vụ việc đặc biệt phức tạp, hồ sơ địa chính lưu trữ không đầy đủ, phải xác minh nhiều nội dung liên quan đến quyền lợi của nhiều người nên không kịp thời hạn để hoàn thành.

- Về nội dung quyết định:

Ông Phan Trung P cho rằng gia đình ông có 535m² đất thổ cư ở xứ Đồng T, xã Hoàng Đ gia đình ông đã làm nhà trên đất từ năm 1990, sử dụng liên tục, ổn định, nộp thuế nhà đất và không có tranh chấp. Khi thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, UBND huyện Tam D đã thu hồi 58,8m² đất nuôi trồng thủy sản và trả 100m² đất tại khu tái định cư khu Đồng N, thôn B, còn lại 376,2m² đất bị Nhà nước thu hồi khi làm đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai nhưng không có quyết định thu hồi để yêu cầu hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V.

+ Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Năm 1992, hộ gia đình ông P và bà Lê Thị H2 (tức K1) có 04 nhân khẩu được giao 288m² đất nông nghiệp 10% quỹ I thuộc thửa số 279, tờ bản đồ số 16, Bản đồ 299 tại khu Đồng T, xã Hoàng Đ theo Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 19/5/1992 của UBND V. Khi ly hôn, ông P và bà H2 tự thỏa thuận mỗi người được sử dụng 144m² đất. Quá trình sử dụng, ông P tự ý đổi 144m² đất thuộc một phần thửa số 279 nêu trên để lấy 144m² đất nông nghiệp quỹ I tại thửa số 201.1 của bà Hoàng Thị H1, diện tích đất này tiếp giáp đường Tỉnh lộ 309 và đổi ruộng với hộ bà Phạm Thị G1 (có con trai là Phan Văn K) tại thửa 201.2 diện tích 288m², thửa đất này liền kề với thửa số 201.1. Sau đó, ông P xây dựng quán bán hàng, một số công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi. Ngoài ra, ông P được ông Phan Văn H4 (là anh ông P) cho thửa số 278 diện tích thực tế là 58,8m² đất (hồ sơ quản lý đất đai là sổ mục kê và sổ địa chính tại xã ghi 36m²). Các bên không làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định và ông P chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên.

Năm 2001, thực hiện dự án mở rộng Tỉnh lộ 310 (nay là Tỉnh lộ 309), Nhà nước đã bồi thường cho hộ ông P 51m² đất nông nghiệp tại xứ Đồng T (là phần đất đổi cho bà H1) với số tiền là 1.025.442 đồng (ông P đã nhận tiền đền bù nhưng không có giấy tờ thể hiện). Tại phiên tòa phúc thẩm ông P thừa nhận nhận tiền bồi thường diện tích 51m² đất, nhưng cho rằng bồi thường loại đất thổ cư.

Năm 2005, UBND xã Hoàng Đ thực hiện dự án giao đất ở giãn dân tại khu Đồng T - Ao M, toàn bộ diện tích còn lại của thửa số 201.1 nằm trong phạm vi dự án. UBND xã Hoàng Đ đã thực hiện quy chủ phân diện tích còn lại theo đúng tên chủ sử dụng hộ bà Hoàng Thị H1 theo diện tích thực tế là $94m^2$ và lập phương án bồi thường cho hộ bà H1, nhưng hộ bà H1 không nhận bồi thường vì thiếu $51m^2$ so với diện tích $144m^2$ đất gia đình bà được giao-BL233, 409. Hộ anh Phan Văn K (ghi nhầm là Nguyễn Văn K, con bà G1) được đền bù $237m^2$ đất nông nghiệp thuộc thửa số 201.2 (đổi cho ông P) số tiền 9.334.482 đồng và đã nhận tiền bồi thường. Ông P không có tên trong danh sách đền bù dự án giãn dân và không có ý kiến khi hộ bà G1 (do anh K, con bà G1) nhận tiền đền bù. Gia đình bà G1 và gia đình bà H1 đã trả đất cho UBND xã Hoàng Đ để quy hoạch khu đất giãn dân, nhưng ông P không trả mà vẫn tiếp tục chiếm dụng $94m^2$ đất thuộc thửa số 201.1 của hộ bà H1 và lấn chiếm thêm một số diện tích liền kề mà UBND xã Hoàng Đ đã bồi thường xong tại dự án giãn dân là ô số 44 và 45 thuộc ô số 399, 400 tờ bản đồ quy hoạch dự án đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai.

Tại Bản đồ quy hoạch 04 ô đất số 399, 400, 401, 402 trong đó 2 ô số 399, 400 là diện tích đất quy hoạch đã phân lô chi tiết đất giãn dân Đồng T - Ao M, UBND xã Hoàng Đ chưa giao cho hộ gia đình, cá nhân nào do ông P đang chiếm dụng. Thửa số 401 UBND xã đã giao đất giãn dân cho hộ ông Phan K3, thửa số 402 là diện tích đất nông nghiệp quỹ I của ông Phan Đình H4 (anh ông P) nằm dọc theo kênh 1B diện tích thực tế là $58,8m^2$, diện tích theo sổ sách là $36m^2$.

Năm 2008, UBND huyện Tam D thu hồi đất và lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thửa số 279, tờ bản đồ 16 diện tích $288m^2$ đất nông nghiệp quỹ I của ông P được chia thành 03 thửa quy hoạch khi lập bản đồ địa chính xin thu hồi và giao đất gồm: Thửa số 214 bồi thường cho hộ bà Hoàng Thị H1 diện tích thực tế là $142,7m^2$ /diện tích giao khoán là $144m^2$ (thửa đất này ông P tự đổi cho bà H1 lấy thửa số 201.1 BĐ 299 và BĐQH là thửa 307 diện tích $144m^2$); thửa số 325 thuộc một phần thửa số 279 bồi thường cho bà Lê Thị H2 (tức K1) là vợ đã ly hôn của ông P diện tích thực tế là $134,1m^2$ /diện tích giao khoán là $144m^2$ và thửa số 326 diện tích $95m^2$ đất nông nghiệp ngoài sổ sách bồi thường cho ông P, nhưng quá trình giải quyết khiếu nại ông P có ý kiến thể hiện không nhận đền bù diện tích $95m^2$ đất này. Đối với thửa số 402 bản đồ quy hoạch diện tích thực tế là $58,8m^2$ đất nông nghiệp quỹ I thuộc thửa số 278 bản đồ địa chính xã Hoàng Đ diện tích giao khoán là $36m^2$ chủ sử dụng là ông Phan Văn H4 (là anh ông P), do thửa này có diện tích nhỏ lẻ và giáp thửa số 201.1 của bà H1 mà ông P đã đổi nên ông H4 cho ông P sử dụng nên khi UBND xã Hoàng Đ và Ban quản lý dự án đã lập phương án thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng diện tích thực tế là $58,8m^2$ đất nông nghiệp cho ông P.

Như vậy, tổng diện tích đất (diện tích thực tế) của ông P nằm trong diện thu hồi được nhận bồi thường là $430,6m^2$ gồm $371,8m^2$ đất thuộc thửa số 279 (tăng $83,8m^2$ so với diện tích $288m^2$ đất được giao năm 1992) và $58,8m^2$ đất thuộc

thửa số 402 ông H4 cho ông P. Trong số diện tích đất trên, ông P đã trả cho bà Lê Thị H2 (tức K1), là vợ đã ly hôn và con chung của vợ chồng diện tích thực tế 134,1m²/144m² đất thuộc một phần thửa số 279, thực tế ông P được nhận bồi thường 202,8m² đất nông nghiệp trong đó có 180m² đất nông nghiệp quỹ I và 22,8m² đất không có giấy tờ (gồm 95m² thuộc thửa 326, 58,8m² thuộc thửa số 402 và 49m² thuộc thửa số 309.1), diện tích đất ông P chưa được nhận bồi thường là 95m², là diện tích chênh lệch thực tế giữa hiện trạng sử dụng với hồ sơ quản lý đất nằm ngoài sổ sách quản lý của UBND xã Hoàng Đ.

Ông P cho rằng theo bản đồ địa chính xin thu hồi và giao đất dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đo vẽ tháng 4/2008 thể hiện gia đình ông có 05 ô đất gồm các ô số 398, 399, 400, 401 và 402 có tổng diện tích 535m², toàn bộ diện tích đất này nằm trong phạm vi thực hiện dự án đường cao tốc, gia đình ông bị thu hồi 58,8m², đã nhận tiền bồi thường và được trả 01 ô đất diện tích 100m² đất tại khu tái định cư thôn B, đề nghị trả lại diện tích 376,2m² đất thấy: Tại các báo cáo kết quả xác minh của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền huyện Tam D và V khi giải quyết khiếu nại đất đai của ông P thể hiện theo bản đồ hiện trạng khu đất giãn dân khu Đồng T - Ao M có tổng số 45 ô đất, UBND xã Hoàng Đ đã trình UBND huyện xét duyệt và giao được 42 ô đất, riêng ô số 43 đã giao cho hộ ông Phan K3 nhưng chưa nhận đất tại hiện trường, còn 02 ô số 44, 45. Việc bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án giãn dân khu Đồng T - Ao M chưa thực hiện xong thì ông P đã lấn chiếm 03 ô đất số 43, 44, 45 và một phần hành lang kênh 1B nên UBND xã không đưa ra xét duyệt giao cho hộ gia đình, cá nhân nào. Toàn bộ 220m² đất ở được quy hoạch tại ô số 44 (diện tích 100m²), ô số 45 (diện tích 120m²) có nguồn gốc nằm trong thửa 201.2, tờ bản đồ 16 Bản đồ 299 thu hồi của hộ bà G1 (có con là Phan Văn K) đã được Nhà nước bồi thường và giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án giãn dân xã Hoàng Đ năm 2005 tại Quyết định số 1367/2005/QĐ-UBND ngày 24/10/2005 và Quyết định số 1540/2005/QĐ-UBND ngày 28/11/2005 của UBND huyện Tam D. Khi thu hồi đất thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Nhà nước đã lập bản đồ quy hoạch mới để thu hồi 03 ô đất trên thành 04 thửa số 399, 400, 401 và 402 tờ bản đồ quy hoạch (đất ông H4 cho ông P). Ông P lấn chiếm các thửa số 399, 400, 401, một phần thửa số 307 và sử dụng thửa 402 là của ông H4 (anh ông P) cho. Các thửa số 399, 400, 401 BĐQH đã được quy hoạch khu đất giãn dân khu Đồng T năm 2005 do UBND xã Hoàng Đ quản lý và thửa số 307 là đất hàng lang tỉnh lộ 310. Quá trình sử dụng ông P đã lấn chiếm 04 thửa đất nêu trên để làm quán bán hàng nên không có quyết định thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Như vậy, 04 thửa đất (diện tích 376,2m²) ông P đòi trả là đất công (đã được quy hoạch khu giãn dân từ năm 2005 và đất hàng lang giao thông tỉnh lộ), ông P lấn chiếm sử dụng trái pháp luật, không có khoảng trống thời gian nào là đất hoang hóa để cho gia đình ông P khai hoang, hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương cũng không có tài liệu nào thể hiện gia đình ông P khai hoang trên diện tích này. Do đó, khi thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Nhà nước không ban hành quyết định thu hồi đất mà chỉ xem xét hỗ trợ toàn bộ tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên diện tích

đất lần chiếm với số tiền là 99.984.150 đồng cho ông P, ông P đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ. Đồng thời, chính quyền địa phương đã xem xét điều kiện, hoàn cảnh ông P không có đất ở để giao cho ông P 01 thửa đất giãn dân tại khu Đồng N, xã Hoàng Đ phải nộp tiền sử dụng đất nhằm đảm bảo an sinh xã hội đối với người dân khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội, ông P đã xây dựng nhà ở trên thửa đất được giao, nhưng chưa nộp tiền sử dụng đất giãn dân. Sau đó khoảng 01 năm thì ông P có đơn khiếu nại về việc đền bù dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Theo xác nhận của UBND xã Hoàng Đ và lời trình bày của ông P thì ông P không sử dụng liên tục quán sửa xe vì ông P vi phạm pháp luật, phải đi thụ án từ tháng 6/1994 đến tháng 6/1998 mới về tiếp tục sử dụng quán để sửa chữa xe, nhưng ông P không sống tại đây mà sống ở thửa đất tại thôn Đ. Tại biên bản làm việc ngày 01/7/2016 với Thanh tra Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh, UBND xã Hoàng Đ và Ban tiếp công dân, ông P cũng thừa nhận nguồn gốc đất ông xây dựng quán bán hàng, đào ao, trồng cây là đất sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, ông P còn cung cấp biên lai thu thuế nhà đất, nhưng qua xác minh thể hiện diện tích ông P nộp thuế là đất ở thuộc thửa số 418, tờ bản đồ 14 tại thôn Đông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện con trai ông P là Phan Đình H5 đang ở, không phải đất ở xứ Đồng T.

Trên cơ sở kết quả xác minh của các cơ quan có thẩm quyền như đã nêu trên, Chủ tịch UBND huyện Tam D xác định ông P không sử dụng đất ổn định và liên tục, không sử dụng vào mục đích đất ở và năm 2001 ông P vẫn nhận bồi thường về đất lúa quỹ I, hạng 2 và chiếm dụng đất công để sử dụng nên đã ban hành Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 giải quyết khiếu nại không chấp nhận đề nghị của ông P đòi trả 376,2m² trong tổng diện tích 535m² đất ở xứ Đồng T bị thu hồi thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai là có căn cứ.

[2.2] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND V (sau đây viết tắt là Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017) về việc giải quyết đơn của ông Phan Trung P:

- Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND V ban hành Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 là đúng quy định tại Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về thể thức văn bản: Tại đơn kiến nghị của ông Phan Trung P đề ngày 27/10/2017 có nội dung kiến nghị Phó Chủ tịch UBND V Vũ Chí G ban hành Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 trái pháp luật, cố tình bao che cho cán bộ cấp dưới, kiến nghị Phó chủ tịch UBND huyện Tam D ban hành Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 không đúng... UBND V đã có văn bản giao Thanh tra V kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại của ông P, kết quả xác minh nội dung khiếu nại thể hiện ông P không đồng ý Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tam D về việc giải quyết khiếu nại đất đai của ông P. Như vậy, mặc dù tiêu đề đơn của ông P ghi là đơn kiến nghị, nhưng nội dung đơn của ông P khiếu nại Quyết định số

3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tam D nên Chủ tịch UBND V phải ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 mới đúng quy định của pháp luật. Việc Chủ tịch UBND V ban hành quyết định giải quyết đơn là không đúng thể thức văn bản, nhưng nội dung quyết định này thể hiện việc xem xét, giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tam D về việc giải quyết khiếu nại đất đai của ông P. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND V cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc nhận diện, xác định nội dung đơn khiếu nại để ban hành đúng thể thức văn bản giải quyết khiếu nại

- Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 12/12/2015, ông Phan Trung P có đơn tố cáo Phó Chủ tịch UBND huyện Tam D ban hành Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 trái pháp luật, không nhất trí nội dung giải quyết tại 02 văn bản là Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tam D và Báo cáo số 124/BC-STNMT ngày 20/6/2016 của Sở Tài nguyên & Môi trường V, đề nghị trả đủ đất gia đình ông đã bị thu hồi. Ngày 01/11/2016, UBND V nhận được đơn khiếu nại của ông P. Ngày 10/11/2016, UBND V ban hành Quyết định số 178/QĐ-UBND giao Thanh tra V tiến hành xác minh, làm rõ nội dung khiếu nại. Cùng ngày 10/11/2016, Thanh tra V đã ban hành Thông báo số 10/TB-TTr thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2. Tổ xác minh Thanh tra V đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với người khiếu nại vào ngày 13/01/2017, tổ chức lấy ý kiến các cấp, các ngành vào dự thảo báo cáo kết quả xác minh. Ngày 20/01/2017, 27/4/2017 Thanh tra V đã có Báo cáo số 04/BC-TTr và số 28/BC-TTr về kết quả xác minh và xác minh bổ sung nội dung khiếu nại của ông P gửi Chủ tịch UBND V, đề nghị Chủ tịch UBND V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 đối với khiếu nại của ông Phan Trung P. Sau đó, Thanh tra V tiếp tục có Báo cáo số 59/BC-TTr ngày 16/8/2017 về kết quả kiểm tra, rà soát nội dung khiếu nại về đất đai của ông P và Báo cáo số 41/BC-TTr ngày 29/5/2018 về kết quả giải quyết nội dung vụ việc khiếu nại, tố cáo của ông P đều có nội dung xác định mọi quyền lợi liên quan của ông P đã được giải quyết thỏa đáng theo hướng có lợi nhất cho công dân, việc ông Ph yêu cầu trả 376,2m² đất gia đình ông P lấn chiếm, sử dụng trái phép là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Trên cơ sở các báo cáo kết quả xác minh khiếu nại của Thanh tra V, Chủ tịch UBND V ban hành Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 là đúng trình tự, thủ tục được quy định tại các Điều 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về thời hiệu, thời hạn khiếu nại: Ngày 01/11/2016, UBND V nhận được đơn khiếu nại của ông P. Ngày 10/11/2016, UBND V ban hành Quyết định số 178/QĐ-UBND giao Thanh tra V tiến hành xác minh, làm rõ nội dung khiếu nại. Cùng ngày 10/11/2016, Thanh tra V đã ban hành Thông báo số 10/TB-TTr thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2 là đảm bảo thời hạn thụ lý theo quy định tại Điều 36 Luật Khiếu nại năm 2011.

Về thời hạn giải quyết khiếu nại quá thời hạn quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về nội dung của quyết định: Do không đồng ý với Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tam D về việc giải quyết khiếu nại đất đai của ông P nên ngày 12/12/2015 ông P có đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND V đã giao Thanh tra V xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 18/10/2017, Chủ tịch UBND V ban hành Quyết định số 2759/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông P có nội dung thể hiện thống nhất các kết quả xác minh và nội dung giải quyết không chấp nhận đề nghị của ông P trả 376,2m² đất thổ cư còn lại chưa được bồi thường khi thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai tại Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tam D. Do nội dung của Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Tam D được xác định là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên nội dung của Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 là có căn cứ.

Việc ông P cho rằng diện tích này nằm trong tổng diện tích 535m² đất thổ cư gia đình ông khai hoang, làm nhà ở ổn định, không có tranh chấp, nhưng ông P không đưa ra được căn cứ chứng minh diện tích đất trên là đất thổ cư thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông và do cha ông ông P để lại. Kết quả xác minh thể hiện diện tích đất này được giao cho hộ bà H1 và bà G1, ông P đổi một phần diện tích đất thuộc thửa số 279 cho hai hộ gia đình này, nhưng không làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Thực tế khi thu hồi đất thực hiện các dự án, gia đình bà H1 và gia đình bà G1 đã nhận tiền bồi thường và giao đất cho Nhà nước thực hiện dự án, ông P không có tên trong danh sách được bồi thường và cũng không khiếu nại về việc hộ gia đình bà H1, bà G1 nhận tiền bồi thường đối với diện tích đất đã đổi cho ông. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND V và UBND V khẳng định diện tích 376,2m² ông P yêu cầu công nhận là đất ở có nguồn gốc là đất hành lang giao thông do Nhà nước quản lý và đất sản xuất nông nghiệp giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào sản xuất nông nghiệp. Lý do trên bản đồ địa chính xin thu hồi và giao đất dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai do vẽ tháng 4/2008 ký hiệu thửa đất ông P đang sử dụng là đất ở nông thôn (ONT) là do toàn bộ khu đất này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy hoạch khu dân cư tập trung để giao cho các hộ gia đình, cá nhân nên bản đồ địa chính thể hiện loại đất đã được chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất sản xuất nông nghiệp sang đất ở từ năm 2005. Từ các căn cứ nêu trên thấy các yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trung P đã được Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá, xem xét và quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông P.

Về án phí: Do kháng cáo của ông P không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Trung P; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân V.

2. Về án phí: Ông Phan Trung P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006852 ngày 30/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự V.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND V;
- VKSND V;
- Cục THADS V;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Hạnh